



CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)
Ngày phát hành: 14/11/2025 Ngày sửa đổi: 14/11/2025 Thay thế phiếu: 21/03/2024 Phiên bản: 3.0

1.1. Thông tin nhận dạng sản phẩm theo GHS

Hình thức sản phẩm	Hỗn hợp
Tên sản phẩm	CP 679A Plus
Mã sản phẩm	BU Fire Protection

1.2. Các phương tiện xác nhận khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

1.3. Sử dụng được khuyến nghị hóa chất và các hạn chế khi sử dụng

Ứng dụng của chất/hỗn hợp chất	Firestop coating
--------------------------------	------------------

1.4. thông tin nhà cung cấp

Nhà cung cấp Hilti Vietnam Co., Ltd. 49 Phạm Ngọc Thạch, Unit 602, iTower, 6th floor District 3, Phường 6, Quận 3 VN Hồ Chí Minh Vietnam T +84 28 3930 4091 www.hilti.group	Phân ban thực hiện phiếu kỹ thuật Hilti AG Feldkircher Strasse 100 FL 9494 Schaan Liechtenstein T +423 234 2111 product.compliance-fire.protection@hilti.com
--	---

1.5. Số gọi trường hợp khẩn cấp

Số khẩn cấp	Emergency CONTACT (24-Hour-Number): GBK GmbH Global Regulatory Compliance +49 (0)6132-84463
-------------	---

MỤC 2: nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

2.1. Phân loại chất hay hỗn hợp chất

Phân loại theo GHS Liên Hiệp Quốc

Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 3	H402	Phương pháp tính
Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 3	H412	Phương pháp tính
Vấn bản các hạng mục nguy hiểm H : xem Mục 16		
Tác dụng hóa lý có hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường	Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài	

2.2. Yếu tố dán nhãn GHS, bao gồm các khuyến nghị cảnh giác

Dán nhãn theo GHS Liên Hiệp Quốc

Từ cảnh báo (GHS UN)	-
Cảnh báo nguy cơ (GHS LHQ)	H412 - Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài
Biện pháp phòng ngừa (GHS LHQ)	P273 - Tránh thải ra môi trường.

2.3. Nguy cơ khác không dẫn đến việc phải phân loại

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 3: Thành phần/thông tin về thành phần

3.1. Chất

Không áp dụng được

3.2. Hỗn hợp

Hỗn hợp này không chứa bất cứ chất nào cần được nhắc tới theo các quy định hiện hành

CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 4: Sơ cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sơ cứu tổng quát	Không bao giờ cho bất cứ chất gì vào miệng của một người đang bất tỉnh. Trong trường hợp choáng váng, tham khảo ngay ý kiến bác sĩ (cho bác sĩ xem nhãn hàng nếu có thể). Đưa người liên quan ra nơi thoáng khí và giữ ở tư thế dễ thở. Để người bị nhiễm hít thở không khí trong lành. Đặt nạn nhân nằm nghỉ.
Sơ cứu trong trường hợp hít phải	Tháo bỏ quần áo bị dính sản phẩm và vệ sinh các phần da bị ảnh hưởng với xà phòng và nước, sau đó rửa lại bằng nước nóng. Rửa da lại với nhiều nước.
Sơ cứu trong trường hợp tiếp xúc với da	Rửa ngay với nhiều nước. Nếu cơn đau và mẩn đỏ vẫn kéo dài, cần đến gặp bác sĩ. Rửa mắt với nước nhằm phòng tránh mọi rủi ro.
Sơ cứu khi có tiếp xúc với mắt	Enjuagarse la boca. KHÔNG cố làm nôn. Đến gặp bác sĩ một cách khẩn cấp. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.
Sơ cứu trong trường hợp nuốt phải	

4.2. Triệu chứng và tác động chính (nghiêm trọng và trì hoãn)

Triệu chứng/tác dụng	Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.
Triệu chứng/tác dụng sau khi hít phải	Tuy hiện chưa có thông tin nào liên quan đến việc nhiễm độc cho người và động vật, sản phẩm được xem như nguy hiểm nếu hít phải.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với da	Có thể gây ra dị ứng trên da.
Triệu chứng/tác dụng sau khi tiếp xúc với mắt	Không có trong điều kiện thường.
Triệu chứng/tác dụng sau khi nuốt phải	Không có trong điều kiện thường.
Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra	Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng.

4.3. Thông tin về các biện pháp sơ cấp cứu và các phương pháp xử lý cần thiết

Điều trị triệu chứng.

MỤC 5: Phương pháp cứu hỏa

5.1. Biện pháp dập lửa thích hợp

Chất chữa cháy thích hợp	Bọt. Bọt khô. Cacbon đioxit. Nước phun. Cát.
Tác nhân tiêu hủy không tương ứng	Không sử dụng dòng nước mạnh.

5.2. Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất

Nguy cơ hỏa hoạn	Không có nguy cơ gây cháy.
Nguy cơ nổ	Không có nguy cơ nổ trực tiếp.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm trong trường hợp có hỏa hoạn	Có thể hình thành khí độc trong khi sưởi hoặc trong trường hợp có cháy.

5.3. Biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với nhân viên cứu hỏa

Hướng dẫn cứu hỏa	Làm nguội thùng chứa bị ảnh hưởng bằng nước phun hay màng nước. Cần trọng trong quá trình dập hỏa hoạn hóa học. Tránh không cho nước sử dụng vào việc dập lửa làm nhiễm độc môi trường. Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp.
Biện pháp bảo hộ khi có hỏa hoạn	Không đi vào khu vực có lửa mà không trang bị bảo hộ, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp. Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Thiết bị thở độc lập. Quần áo bảo hộ toàn thân.

MỤC 6: Biện pháp cần áp dụng trong trường hợp có vương đổ

6.1. Biện pháp bảo hộ cá nhân, thiết bị bảo hộ và biện pháp cấp cứu

Biện pháp chung	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn. Thông báo cho các cấp chính quyền nếu sản phẩm rơi vào hệ thống cống rãnh hay nước công cộng. Thấm mọi chất bị vương đổ nhằm tránh sự cố gây hư hại vật chất.
-----------------	---

6.1.1. Dành cho cá nhân không mang chức năng cứu hộ

Thiết bị bảo hộ	Mang thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo.
-----------------	---

CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Biện pháp cấp cứu	Thông gió khu vực có sản phẩm vương đổ. Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài.
6.1.2. Dành cho cứu hộ viên	
Thiết bị bảo hộ	Không can thiệp khi không được trang bị bảo hộ thích hợp. Cung cấp thiết bị bảo hộ thích hợp cho nhân viên làm vệ sinh. Để biết thêm chi tiết, tham khảo mục 8 "Giới hạn tiếp xúc-an toàn cá nhân".
Biện pháp cấp cứu	Thông gió cả khu vực. Cho những nhân viên không cần thiết ra ngoài. Chặn ngay việc rò rỉ nếu có thể làm một cách an toàn.

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường

Tránh thải ra môi trường. Không cho xâm nhập vào cống rãnh và nước sinh hoạt. Thông báo cho cấp chính quyền nếu dung dịch xâm nhập vào hệ thống cống thoát hay nguồn nước công cộng.

6.3. Phương pháp và thiết bị chứa và vệ sinh

Dùng để chứa	Thu hồi sản phẩm bị đổ với cát hoặc đất. Giữ không cho phần sản phẩm vương đổ lan tràn bằng cách lấp hoặc bằng cách sử dụng các vật liệu thấm hút để ngăn không cho lan vào cống rãnh hoặc nguồn nước. Ngăn việc rò rỉ một cách an toàn nhất nếu có thể.
Quy trình làm sạch	Thu hồi chất lỏng bị đổ bằng các chất thấm hút. Thu hồi sản phẩm bị đổ một cách nhanh chóng bằng các vật liệu rắn trơ như đất sét và tảo cát. Thu hồi sản phẩm bị vương đổ.
Các thông tin khác	Tiêu hủy các vật liệu hoặc cặn rắn tại cơ sở được cấp phép.

MỤC 7: Thao tác và lưu trữ

7.1. Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn

Biện pháp phòng ngừa cần có cho thao tác an toàn	Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc. Đeo thiết bị bảo vệ cá nhân. Rửa tay và khu vực bị phơi nhiễm với xà phòng nhẹ và nước, trước khi ăn, uống, hút thuốc và trước khi rời khỏi nơi làm việc. Đảm bảo việc thông hút tốt tại nơi làm việc nhằm tránh việc tạo hơi.
Biện pháp vệ sinh	Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm trên. Rửa tay sau mỗi lần thao tác.
Nhiệt độ xử lý	5 – 30 °C
Nguy cơ phụ trong quá trình xử lý	Không được xem như nguy hiểm trong điều kiện sử dụng thường.

7.2. Điều kiện cần để đảm bảo an toàn lưu trữ, bao gồm cả khả năng không tương hợp

Biện pháp kỹ thuật	Bảo quản tại nơi khô, thoáng và tránh khỏi nguồn nhiệt.
Điều kiện lưu trữ	Chỉ bảo quản trong bao bì chứa gốc tại nơi thoáng mát và có thông gió tốt tránh xa các : Giữ bao bì chứa đóng khi không sử dụng.
Chất không tương hợp	Nguồn gây cháy. Tia mặt trời trực tiếp.
Vật liệu đóng gói	Luôn bảo quản sản phẩm trong bao bì cùng chất với bao bì gốc.

MỤC 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

8.1. các thông số kiểm soát

Hiện chưa có thông tin bổ sung

8.2. Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Kiểm tra kỹ thuật theo quy định	Đảm bảo thông thoáng nơi làm việc.
Kiểm soát mức độ phơi nhiễm với môi trường	Tránh thải ra môi trường.
Các thông tin khác	Không ăn, uống và không hút thuốc khi thao tác.

8.3. Biện pháp bảo hộ cá nhân/Thiết bị bảo hộ cá nhân

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân:

Tránh mọi việc phơi nhiễm không cần thiết. Găng tay.

Bảo vệ tay	Mang găng tay bảo hộ.
------------	-----------------------

CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

Loại	Vật liệu	Quá trình thẩm thấu	Độ dày (mm)	Việc thâm nhập	Tiêu chuẩn
Găng tay dùng một lần, Găng bảo hộ, Găng tay sử dụng nhiều lần	Cao su nitril (NBR), Cao su butyl	6 (> 480 phút)	>4		

Bảo vệ mắt

Mắt kính chống hoá chất hay mắt kính bảo hộ. Mắt kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể

Quần áo bảo hộ

Bảo vệ đường hô hấp

Avoid inhalation of vapour and spray mist. Khi việc thông gió tại nơi làm việc không đủ, cần mang thiết bị hỗ trợ hô hấp. (FFP2)

(Các) Ký hiệu thiết bị bảo hộ cá nhân



8.4. Giới hạn phơi nhiễm của các thành phần khác

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 9: đặc tính lý, hóa của hóa chất

9.1. Tính chất lý hóa cơ bản

Trạng thái vật lý	Chất lỏng
Hình dạng	Nhão
Màu sắc	màu trắng.
Mùi đặc trưng	nhẹ. Không mùi.
Ngưỡng mùi	Không có
Điểm nóng chảy	Không áp dụng được
Điểm đóng băng	Không có
Điểm sôi	≈ 100 °C
Tính dễ bắt lửa	Không bắt lửa
Giới hạn nổ dưới	Không có
Giới hạn nổ trên	Không có
Điểm cháy	Không có
Nhiệt độ tự cháy	Không có
Nhiệt độ phân hủy	Không có
pH	7 – 7,8
nồng độ dung dịch pH	10 %
Độ nhớt, động học (giá trị được tính) (40 °C)	16891,892 – 29850,746 mm ² /s
Hệ số phân chia n-octanol/nước (Log Kow)	Không có
Áp suất hóa hơi	Không có
Áp suất hơi ở 50°C	Không có
Mật độ	1,34 – 1,48 g/cm ³
Mật độ tương đối	Không có
Mật độ hơi nước tương đối ở 20°C	Không có
Độ hòa tan	Không có
Độ nhớt, động lực	25000 – 40000 mPa·s
Kích cỡ hạt	Không áp dụng được

9.2. Dữ liệu liên quan đến các nhóm nguy hại về mặt vật lý (bổ sung)

Đặc tính nổ	Sản phẩm không gây nổ
Tính chất gây cháy	Không áp dụng được
Lượng VOC	< 1 %

CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

MỤC 10: mức ổn định và phản ứng của hóa chất

10.1. Phản ứng

Sản phẩm không mang tính kích hoạt trong điều kiện sử dụng, kho trữ và vận chuyển thông thường.

10.2. Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Có khả năng phản ứng gây nguy hiểm

Không có phản ứng nguy hiểm được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.4. Điều kiện cần tránh

Không có trong điều kiện kho trữ và thao tác khuyến cáo (xem mục 7).

10.5. Chất không tương hợp

Axit mạnh. Bazơ mạnh.

10.6. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Không bất cứ sản phẩm phân hủy mang tính chất nguy hiểm nào được bảo quản hoặc sử dụng trong điều kiện thường.

MỤC 11: Thông tin về độ độc

11.1. Thông tin về các tác dụng gây độc

Độ độc cấp tính (qua đường tiêu hóa)	Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua da)	Không phân loại
Độ độc cấp tính (qua đường hô hấp)	Không phân loại
Ăn mòn da/kích ứng da	Không phân loại
	pH: 7 – 7,8
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Không phân loại
	pH: 7 – 7,8
Kích ứng hô hấp và da	Không phân loại
Tính gây đột biến trên các tế bào mầm	Không phân loại
Khả năng gây ung thư	Không phân loại
Mức độc tính trên khả năng sinh sản	Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc một lần)	Không phân loại
Mức độc tính đặc biệt trên một số cơ quan (tiếp xúc lặp lại)	Không phân loại
Nguy cơ khi hít phải	Không phân loại

CP 679A Plus	
Độ nhớt, động học	16891,892 – 29850,746 mm²/s
Tác dụng tiêu cực trên sức khỏe của con người và các triệu chứng có thể xảy ra	Căn cứ trên các thông tin hiện có, các yêu cầu về việc phân loại sản phẩm chưa được đáp ứng.

MỤC 12: Thông tin sinh thái

12.1. Độ độc tính

Sinh thái - tổng quát	Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài.
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp)	Gây hại lên các sinh vật thủy sinh.
Quy trình phân loại (Nguy hại cho môi trường thủy sinh, ngắn hạn (cấp))	Phương pháp tính
Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn)	Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài.
Quy trình phân loại (Nguy hại cho môi trường thủy sinh, lâu dài (mãn))	Phương pháp tính



CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

12.2. tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

CP 679A Plus	
Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy	Không thực hiện.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

CP 679A Plus	
Khả năng tích lũy sinh học	Không thực hiện.

12.4. Tính lưu động dưới đất

CP 679A Plus	
Tính lưu động dưới đất	Hiện chưa có thông tin bổ sung

12.5. Các tác dụng có hại khác

Ozon	Không phân loại
Các tác dụng có hại khác	Hiện chưa có thông tin bổ sung
Các thông tin khác	Tránh thải ra môi trường.

MỤC 13: Được xem như dành cho cho xử lý phân hủy

13.1. Quy trình tiêu hủy

Quy định vùng về chất thải	Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Phương pháp xử lý chất thải	Tiêu hủy sản phẩm/bình chứa theo đúng hướng dẫn phân loại của bên xử lý được công nhận.
Khuyến cáo cho việc xử lý nước thải	Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Các khuyến cáo về việc xử lý sản phẩm/bao bì	Tiêu hủy theo đúng quy định an toàn tại địa phương/quốc gia đang hiện hành. Việc tiêu hủy cần thực hiện đúng theo các quy định hợp pháp.
Thông tin chất thải sinh thái	Tránh thải ra môi trường.
Thông tin bổ sung	Không sử dụng lại các bình chứa rỗng.

MỤC 14: Thông tin việc vận chuyển

Phù hợp với ADR / IMDG / IATA / RID /

ADR	IMDG	IATA	RID
14.1. Số UN hoặc số ID			
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.2. Tên mã UN			
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.3. Phân loại nguy hiểm cho việc vận chuyển			
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.4. Phân nhóm đóng gói			
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
14.5. Nguy cơ môi trường			
Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được	Không áp dụng được
Không có thông tin bổ sung			



CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống Hải hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

14.6. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

Vận chuyển bằng đường bộ

Không áp dụng được

Vận chuyển đường biển

Không áp dụng được

Vận chuyển đường hàng không

Không áp dụng được

Vận chuyển đường tàu hỏa

Không áp dụng được

14.7. Vận tải biển hàng rời theo các văn kiện IMO (Tổ chức Hàng hải Quốc tế)

Không áp dụng được

MỤC 15: Thông tin hợp pháp

15.1. Quy định/pháp chế chuyên biệt về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với các chất hay hỗn hợp chất

Hiện chưa có thông tin bổ sung

MỤC 16: Các thông tin khác

Ngày phát hành	14/11/2025
Ngày sửa đổi	14/11/2025
Thay thế phiếu	21/03/2024

Mục	Mục đã thay đổi	Nhận xét
3		Thay đổi TiO2

Tên viết tắt và rút ngắn

ADN - Hiệp định Châu âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường biển
ADR - Hiệp định Châu âu về việc vận chuyển quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ
ATE - Đánh giá độc tính cao
BCF - Chỉ số nồng độ sinh học
Giá trị Giới hạn Sinh học - Giá trị giới hạn sinh học
Nhu cầu Oxy Sinh hóa - Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD)
Nhu cầu Oxy Hóa học - Nhu cầu oxy hóa học (COD)
DMEL - Liều dẫn xuất có tác dụng tối thiểu
DNEL - Liều dẫn xuất không có tác dụng
Số EC - Mã số Cộng đồng Châu Âu
EC50 - Nồng độ trung bình gây ảnh hưởng
Tiêu chuẩn Châu Âu - Tiêu chuẩn Châu Âu
IARC - Cơ quan Quốc tế Nghiên cứu về Ung thư
IATA - Hiệp hội Vận chuyển Hàng không Quốc tế
IMDG - Hàng hóa Nguy hiểm Đường biển Quốc tế
LC50 - Nồng độ gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (nồng độ trung bình gây chết người)
LD50 - Liều trung bình gây chết người trên 50 % trường hợp tham gia thí nghiệm (liều trung bình gây chết người)
LOAEL - Liều tối thiểu gây hại được ghi nhận
NOAEC - Nồng độ không gây hại được ghi nhận



CP 679A Plus

Phiếu An toàn Hóa chất

theo GHS (Hệ thống hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất) Liên Hợp Quốc (Sửa đổi lần 10, 2023)

NOAEL - Liều không gây hại được ghi nhận
NOEC - Nồng độ không gây tác dụng được ghi nhận
OECD - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
OEL - Giới hạn Phơi nhiễm Nghề nghiệp
PBT - Kéo dài, tích tụ sinh học và gây độc
PNEC - Nồng độ Dự báo không gây hại
RID - Quy định Quốc tế về việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường sắt
SDS - Phiếu An toàn Hóa chất
STP - Trạm xử lý nước thải
ThOD - Nhu cầu oxy lý thuyết (ThOD)
TLM - Dung sai giới hạn trung bình
VOC - Hợp chất Hữu cơ Dễ bay hơi
Số CAS - Mã số Đăng ký Hóa chất (Mã số CAS)
N.O.S: Không Ghi rõ Khác - Không Ghi rõ Khác
vPvB - Kéo dài và tích lũy sinh học rất nhiều
Chất gây rối loạn nội tiết - Chất gây rối loạn nội tiết
Không có.

Các thông tin khác

Bản đầy đủ của các câu H:	
Aquatic Acute 3	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm cấp tính, Nhóm 3
Aquatic Chronic 3	Nguy hại đối với môi trường thủy sinh – Nguy hiểm mãn tính, Nhóm 3
H402	Gây hại lên các sinh vật thủy sinh
H412	Gây hại cho các sinh vật thủy sinh, gây ra tác hại về lâu dài

SDS_UN_Hilti

Các thông tin trong phiếu dữ liệu an toàn trên được thực hiện dựa trên hiểu biết của chúng tôi để phục vụ cho sức khỏe, an toàn và môi trường. Các thông tin trên không thể được nhầm lẫn với bất kì đảm bảo nào cho bất kì đặc tính nào của sản phẩm.